

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1156/2018/HNGĐ-PT

Ngày 30-11-2018

V/v ly hôn,
tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Cao

Bà Trần Thị Lệ Uyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1153/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5325/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1975. *(có mặt)*

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20/6 đường K, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số B5/20C đường N, Ấp 2, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 20/6 đường K, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn - bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/07/2017 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 1997, giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 12/05/1997 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hai bên chung sống có 02 (hai) người con chung là Lê Văn Anh T, sinh ngày 31/05/1998 (giới tính nam), đã trưởng thành, và Lê Văn H sinh ngày 17/02/2004 (giới tính nam). Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L không tôn trọng ông, hỗn láo và thường xuyên gọi điện thoại cho đồng nghiệp của ông để dò xét, kiểm tra và nói xấu ông làm cho ông xấu hổ với bạn bè. Tài liệu, máy móc làm việc của ông, bà L tự ý lấy và giấu đi làm ảnh hưởng đến công việc của ông. Bên cạnh đó, bà L tự ý lục ví tiền của ông, tiền bạc chi tiêu trong gia đình bà L không có sự bàn bạc và thỏa thuận với ông. Ngoài ra, do chênh lệch tuổi tác nên tư tưởng và quan điểm sống không hòa hợp, ông cố gắng hòa giải nhiều nhưng vẫn không thể thay đổi. Tháng 06/2017, ông đã dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay. Trong thời gian qua, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bản thân ông không còn yêu thương bà L do mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà L để giải thoát cho cả hai bên.

Về con chung: Con chung tên Lê Văn Tuấn A, sinh ngày 31/05/1998, giới tính: Nam, đã thành niên, nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Trẻ Lê Văn H, sinh ngày 17/02/2004, giới tính: Nam, ông đồng ý giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, và cấp dưỡng cho bà L mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông đã hỗ trợ cho bà L và giải quyết xong.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Việc chung sống, kết hôn và con chung đúng như ông Đ trình bày, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không quá nghiêm trọng. Bà xác nhận trước đây bà có lớn tiếng và xúc phạm ông Đ như ông Đ trình bày. Từ khi bỏ nhà đi đến nay ông Đ không về nhà chăm sóc con và bà. Bà vẫn còn thương yêu ông Đ mặc dù bà biết ông Đ đã không còn tình cảm với bà, nên việc hòa giải đoàn tụ gia đình bà không biết có thể làm được không. Bà không có sức khỏe vì bệnh thiếu máu thường niên từ năm 2009 cho đến nay. Nay các con đã lớn, ông Đ là trụ cột gia đình nên cần có ông, vì vậy bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Văn H, sinh ngày 17/02/2004, giới tính: Nam, và đồng ý việc ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Bà đồng ý việc ông Đ cấp dưỡng cho bà mỗi tháng là 2.000.000 đồng để bà trị bệnh.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Đ đã giải quyết xong.

Tại bản án sơ thẩm số 1153/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 20 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 115, Điều 118 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Lê Văn Đ

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con tên Lê Văn H sinh ngày 17/02/2004 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp giữ nuôi.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con Lê Văn H sinh ngày 17/02/2004, mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Văn H thành niên.

1.4 Về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà L: Ông Lê Văn Đ phải cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị L mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Lê Văn Đ được chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Nguyễn Thị L theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Lê Văn Đ được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giữ mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Lê Văn Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5 Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.6 Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 900.000 đồng gồm: Án phí ly hôn 300.000 đồng, án phí nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con 300.000 đồng và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng đối với vợ 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng do ông Lê Văn Đ đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0019144 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn Đ phải nộp thêm 600.000 đồng án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 20/09/2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng đối với bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông không có khả năng tăng mức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bà L, vì do công việc và thu nhập của ông không ổn định, ông làm việc theo dự án và hợp đồng. Ngoài ra, người con chung thứ nhất là Lê Văn Tuấn A hiện đang học đại học, ông còn phải đóng tiền học cho con, nên đối với yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con, ông không thể có khả năng đáp ứng được. Tại phiên tòa, ông tự nguyện tăng mức cấp dưỡng cho bà L từ 2.000.000 đồng lên thành 2.500.000 đồng một tháng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Hiện bà đang có bệnh, nên khả năng lao động không tốt, một mình bà phải nuôi cả hai con, bà có nguyện vọng ông Đ cùng chia sẻ khó khăn nên bà kháng cáo để ông Đ tăng mức cấp dưỡng nuôi con cũng như mức cấp dưỡng cho bà. Bà biết ông Đ có làm thêm bên ngoài nên ông có khả năng giúp bà và bà vẫn còn yêu thương ông Đ, do đó bà mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng lo cho con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử ngày 12/09/2018, đến ngày 20/09/2018 bà L kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà L không chứng minh được ông Đ có thu nhập ổn định và có đủ thu nhập để xem xét cho việc tăng mức cấp dưỡng. Ông Đ tự nguyện tăng mức cấp dưỡng cho bà L từ 2.000.000 đồng/tháng lên thành 2.500.000 đồng/tháng, nên ghi nhận. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng đối với bà L, các phần khác của bản án giữ nguyên. Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đ đã hỗ trợ cho bà L số tiền là 15.000.000 đồng để bà L trả khoản nợ vay mua trả góp xe máy và tủ lạnh tại Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD Saison. Như vậy, đối với khoản nợ chung hai bên đương sự đã thanh toán xong, nên không cần thiết phải đưa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD Saison vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con từ 5.000.000 đồng/tháng lên 8.000.000 đồng/tháng và tăng mức cấp dưỡng cho bà từ 2.000.000 đồng/tháng lên 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa và chứng cứ các bên cung cấp trong hồ sơ vụ án cho thấy cả hai bên đương sự đều có thu nhập không ổn định. Ông Đ có việc làm không ổn định, ông Đ đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Lê Văn H mỗi tháng 5.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này là phù hợp với thực tế trong điều kiện để nuôi dạy trẻ H, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, nên đối với yêu cầu kháng cáo của bà L tăng mức cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ H là không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L. Đối với mức cấp dưỡng cho bà L, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ tự nguyện tăng mức cấp dưỡng từ 2.000.000 đồng/tháng lên thành 2.500.000 đồng/tháng, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện

của ông Đ, nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc thi hành án tiền cấp dưỡng đối ông Đ được thực hiện kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng nghị và kháng cáo nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 600.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478, Điều 479 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 115 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa Án và căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ.

1.1/ Về quan hệ vợ chồng: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị L ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà L chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 12/05/1997 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

1.2/ Về con chung: Con chung tên Lê Văn Tuấn A, sinh ngày 31/05/1998 (giới tính nam), đã trưởng thành. Con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 17/02/2004 (giới tính nam), giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 17/02/2004 (giới tính nam) mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng, bắt đầu thi hành ngay khi bản án sơ thẩm được tuyên án cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

1.4/ Về cấp dưỡng đối với bà L: Ông Lê Văn Đ phải cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị L mỗi tháng 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng bắt đầu thi hành ngay khi bản án sơ thẩm được tuyên án cho đến khi ông Lê Văn Đ được chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Nguyễn Thị L theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Lê Văn Đ được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giữ mức cấp dưỡng nuôi con.

1.5/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

2.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ phải nộp án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng đối với vợ là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0019144 ngày 20/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ phải nộp thêm số tiền là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0021392 ngày 26/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn Đ không thực hiện việc cấp dưỡng, thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận B;
- UBND Phường C, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh